

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống,
nghề truyền thống trong hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc
ngành nghề CN-TTCN huyện Triệu Sơn**

Thực hiện Công văn số 1216/SCT - CNNT, ngày 21/5/2020 của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tình hình phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống trong hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo với nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU SƠN

Trên địa bàn huyện có 5 làng nghề, gồm: Làng nghề chế biến đá Đồng Thắng, nón lá xã Xuân Lộc, Chôi đốt xã Thọ Sơn, mây tre đan xã Thọ Vực và làm My thời trang tại xã Dân Lực; với 1542 lao động, người lao động chủ yếu tự học, tự tổ chức sản xuất và tự tìm kiếm cách tiêu thụ; thu nhập phụ thuộc vào trình độ tay nghề của từng người trong gia đình, thường không đồng đều mức bình quân thu nhập từ 1.500.000 – 5.000.000đ/người/tháng; nhìn chung các làng nghề xã vẫn được duy trì ổn định và phát triển.

Năm 2013 Làng nghề truyền thống làm nón lá được UBND tỉnh công nhận Làng nghề truyền thống đó là: Làng Tiên thành tại Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 16/3/2013; năm 2015 có 02 làng nghề truyền thống sản xuất vật liệu xây dựng và chế tác đá được UBND tỉnh Công nhận Làng nghề Truyền thống đó là: Làng Đại Đồng 3 xã Đồng Thắng và Làng Tiên xã Thọ Sơn tại Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi, Chính phủ có Quyết định 132/2000/QĐ - TTg; Nghị định 66/2006/NĐ - CP của Thủ Tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn. Huyện ủy, UBND huyện đã ban hành nhiều cơ chính sách phát triển ngành nghề phù hợp với tình hình thực tiễn, do vậy nhiều ngành nghề truyền thống ở nông thôn đã được khôi phục và phát triển đã tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động ở các làng nghề và dân cư trên địa bàn. Sản phẩm sản xuất ra cũng ngày càng đa dạng, phong phú hơn về chủng loại, mẫu mã, bao bì. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đến nay cũng đã vươn rộng hơn và mở rộng thêm các thị trường mới, tạo sự sôi động cho thị trường tiêu thụ hàng hóa và các sản phẩm được làm từ cói, mây tre đan đang ngày càng phong phú và đa dạng.

Nhìn chung, sự phát triển làng nghề và làng nghề truyền thống trong năm 2019, đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông thôn huyện theo hướng giảm nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ

nông thôn, góp phần giải quyết nhiều việc làm cho người lao động, sản xuất tại các làng nghề đã tạo ra nhiều mặt hàng có giá trị kinh tế cao, đưa kim ngạch xuất khẩu của huyện liên tục tăng năm sau cao hơn năm trước. Một số cơ sở sản xuất tại làng nghề bước đầu đã tạo dựng được uy tín, chất lượng và thương hiệu hàng hóa của mình đối với người tiêu dùng trong nước.

1. Làng nghề, làng nghề truyền thống (*Chi tiết theo biểu số 01 gửi kèm*)

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 (*Chi tiết theo biểu số 02 gửi kèm*)

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG PHÁT TRIỂN CN-TTCN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN:

1. Những hạn chế, yếu kém:

- Ngành nghề CN-TTCN mới đạt được kết quả bước đầu, chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ, thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của huyện;

- Việc tạo các điều kiện để kêu gọi cho phát triển CN-TTCN và làng nghề chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư; xu hướng các Doanh nghiệp đầu tư vào các ngành thương mại- dịch vụ, tài chính, bất động sản, xây dựng thu lợi nhuận nhanh hơn là đầu tư vào sản xuất ngành nghề CN-TTCN. Các cơ sở ngành nghề thường khó khăn về mặt bằng (*nhà xưởng*) sản xuất, tình trạng phổ biến là sử dụng nhà ở làm nơi sản xuất.

- Việc tổ chức sản xuất tại các làng nghề còn phân tán, phụ thuộc nhiều vào trình độ tay nghề của từng người trong gia đình, quy mô nhỏ, khép kín. Tính tự hữu, bảo thủ nghề của từng gia đình, dòng họ, thôn xóm được ưa chuộng hơn là việc tổ chức, phân công hợp tác sản xuất. Sự liên kết về tổ chức quản lý, vốn đầu tư, cộng nghệ đã hạn chế khả năng phát triển. Các làng nghề, cơ sở sản xuất chưa có tổ chức kinh tế chăm lo đầu vào, đầu ra cho sản phẩm mà chủ yếu còn chạy theo lợi nhuận của doanh nghiệp;

- Còn nhiều lao động chưa được đào tạo nghề, Lao động sau đào tạo nghề duy trì làm nghề số chỉ đạt gần 50%. Số lao động thạo nghề, giỏi nghề chưa nhiều; Nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển điểm làng nghề còn hạn chế.

- Nhìn chung ngành nghề TTCN chưa phát triển mạnh, mô hình tổ chức kinh doanh chủ yếu hoạt động tự phát, sản xuất nhỏ lẻ, hiệu quả chưa cao, nguồn vốn đầu tư để mở rộng sản xuất kinh doanh còn hạn chế. Khả năng huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để phát triển làng nghề còn thấp. Cơ chế quản lý và hoạt động sản xuất cũng theo kiểu tự phát nên các hộ làm nghề trong làng nghề chưa có sự gắn kết, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém:

- Công tác quản lý nghề TTCN - ngành nghề nông thôn đang có sự chông chéo giữa các cơ quan từ TW đến địa phương.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa quyết liệt, chưa đúng tầm và chưa thường xuyên (*đang có tính phong trào và thành tích*). Trong quản lý chậm phát hiện các vấn đề nảy sinh; chính sách đối với việc phát triển Nghề TTCN và làng nghề chưa đồng bộ, chưa thực sự khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển

TTCN và làng nghề; sự phối hợp của chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người lao động chưa chặt chẽ, thiếu tiếng nói chung, không kịp thời trong việc giải quyết một số vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất như tiền công, nguyên liệu, kỹ thuật, công tác thu gom sản phẩm;

- Các doanh nghiệp chưa đủ năng lực để cạnh tranh, tìm kiếm thị trường lớn, tuy đã có thể hiện vai trò làm bả đỡ cho sản xuất, nhưng một số cơ sở chưa liên kết chặt chẽ với người sản xuất;

- Người lao động trong huyện làm nông nghiệp đơn thuần nên còn tâm lý ngại khó, thiếu tính tỷ mỷ, độ kiên trì không cao, nôn nóng làm nhanh tăng năng suất để có thu nhập cao; đang coi ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp là nghề phụ; (tâm lý nghề phụ dễ làm, khó bỏ), chưa có sản xuất theo tính công nghiệp. *Nhưng vấn đề cốt lõi là thu nhập thấp nhất là thời gian đầu sau khi đào tạo năng suất làm việc chưa cao).*

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRONG THỜI GIAN TỚI

- Phát triển làng nghề nông thôn là một trong những nội dung lớn của huyện nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho lao động nông thôn, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng khảo sát hoạt động sản xuất và nhu cầu vay vốn đầu tư phát triển của làng nghề tiểu thủ công nghiệp, kịp thời hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở được vay vốn để phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, có thị trường tiêu thụ.

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm và hình ảnh làng nghề gắn với các nông thôn, phối hợp với tỉnh và các tổ chức quốc tế tiến hành lồng ghép thực hiện các kế hoạch phát triển làng nghề cho địa phương. Từng bước triển khai xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, phát triển mạng lưới giao thông. Hỗ trợ các làng nghề tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh để trưng bày và giới thiệu sản phẩm.

- Đề phát huy thế mạnh các làng nghề, đề nghị các cấp, các ngành liên quan cần có nhiều chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư về hạ tầng cơ sở, đẩy mạnh các chương trình khuyến công, chú trọng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động trong mối tương quan với điều kiện cụ thể của địa phương.

- Khuyến khích các hộ gia đình sản xuất hàng TTCN thành lập HTX TTCN để tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên; phấn đấu mỗi làng nghề, mỗi nghề thành lập ít nhất được một HTX TTCN.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, duy trì làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, xây dựng phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch, quy hoạch nông thôn mới; Các địa phương chủ động lập các dự án đầu tư xây dựng các làng nghề. Xác định sản phẩm truyền thống, sản phẩm

chính của làng nghề, kết hợp với các ngành công nghiệp hình thành sự phân công theo hướng chuyên môn hoá và hợp tác hoá;

- Lựa chọn, bồi dưỡng, hỗ trợ một số hộ, cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả, năng động làm nòng cốt nhằm thu hút lao động nhân rỗi trong địa phương, dần hình thành các cụm, điểm sản xuất hàng TTCN hoạt động SXKD năng động.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Triệu Sơn về phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống trong hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn./.

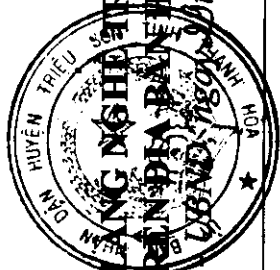
Nơi nhận:

- Sở Công Thương (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, KTHT.



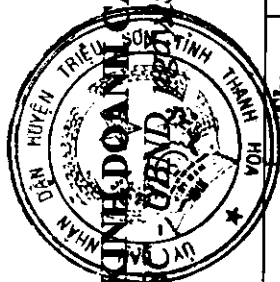
Biểu số 01

**DANH SÁCH LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU SƠN (ĐẾN 31/12/2019)
(Kèm theo Báo cáo số: 1883/BC-UBND, ngày 05 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)**



TT	Làng nghề/làng nghề truyền thống/ngành truyền thống	Địa chỉ	Năm công nhận	Bảo vệ môi trường làng nghề (đã rà soát/ chưa rà soát các tiêu chí công nhận đảm bảo điều kiện về BVMT)
I	Làng nghề			
1	Làng nghề làm Nón Lá	Làng Thành Tiến, xã Xuân Lộc	2013	
2	Làng nghề làm Chổi dóc	Làng Tiên, xã Thọ Sơn	2013	
3	Mỹ thời trang	Thôn thị tứ xã Dân lực		
II	Làng nghề truyền thống			
1	Làng nghề sản xuất VLXD và chế tác đá	Làng Đại Đồng 3 xã Đồng Thắng	2015	
III	Nghề Truyền thống			
1	Máy tre đan	Xã Thọ Vực		

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số: 383/BC-UBND, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)



TT	Tên làng nghề nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Vốn và tài sản (tỷ đồng)	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Tổng số LĐ thuộc ngành nghề nông thôn (người)			Tổng số cơ sở SXKD ngành nghề nông thôn				
						Tổng số LĐ trong làng nghề	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ	
							LD thường xuyên	LD chuyên gia có tay nghề cao					
I	SX hàng TTCN												
1	Nghề làm Nón lá, làng Thành Tiên, xã Xuân Lộc	1,120		Được miễn	2,0	195	168	27	0	0	0	0	135
2	Nghề làm Chổi đót, làng Tiên, xã Thọ Sơn	1,650		Được miễn	2,5	250	247	03	0	0	0	0	176
3	Nghề Mỹ thời trang, thông thị tứ xã Dân Lực (liên kết lao động nhiều xã khác)	4,700		Được miễn	4,0	909	825	84	0	0	0	0	740
4	Nghề máy tre đan	0,950		Được miễn	2,2	130	128	2	0	0	0	0	128
5	Làng nghề sản xuất VLXD và chế tác đá	5,000		0,5	4,0	58	46	12					20